

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST

Ngày: 05/8/2021

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Giang và ông Vũ Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2021/TLST – KDTM ngày 13/5/2021. Về việc: “***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST – KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST – KDTM ngày 19/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng V, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Quang T1 – Giám đốc Phòng giao dịch Đắk Hà – Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Kon Tum. (giấy ủy quyền số 397/UQ – BIDV.KT ngày 31/3/2021).

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đắk H, huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn PH; sinh năm: 1979; Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị TH; sinh năm 1978; Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2021, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Ngày 24/07/2020, ông Trần Văn PH có vay số tiền 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) tại Phòng giao dịch Đắk Hà – BIDV Kon Tum theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/4706534/HĐTD ngày 24/07/2020 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/4706534/HĐTD ngày 22/05/2020; Mục đích sử dụng vốn vay: Mua hàng điện gia dụng các loại; thời gian vay: 163 ngày (từ ngày 24/07/2020 đến ngày 03/01/2021); lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,2%/năm cố định trong thời hạn vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (12,3%/năm), ngày chuyển nợ quá hạn 04/01/2021.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên ông Trần Văn PH và bà Nguyễn Thị TH thế chấp các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số theo Hợp đồng Thế chấp Tài sản số 01/2018/4706534/HĐBĐ ngày 24/05/2018 ký kết giữa Ông Trần Văn PH cùng vợ là Bà Nguyễn Thị TH với Ngân hàng BIDV gồm các tài sản sau:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01 (A); tờ bản đồ số 27; diện tích: 400m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 652532 do UBND huyện Đắk Hà cấp ngày 27/08/2009, số vào sổ: H 00939.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 20(D); tờ bản đồ số 27; diện tích: 400m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 597624 do UBND huyện Đắk Hà cấp ngày 10/11/2011, số vào sổ: GCNCH 00454.

Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 03; tờ bản đồ số A; diện tích: 250m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 597625 do UBND huyện Đắk Hà cấp ngày 10/11/2011, số vào sổ: 00455.

Tài sản thứ tư: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02(A); tờ bản đồ số 27; diện tích: 370m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BD 626466 do UBND huyện Đắk Hà cấp ngày 21/01/2011, số vào sổ: 00307.

Tài sản thứ năm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 143; tờ bản đồ số 81; diện tích: 22.233,3m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 6, xã Ngọc W, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX 041650 do UBND huyện Đắk Hà cấp ngày 16/7/2015, số vào sổ: 01060.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn PH đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng BIDV. Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ đến làm việc với ông Trần Văn PH, đã gửi thông báo nợ đến hạn, nợ quá hạn, có Biên bản làm việc

trực tiếp và nhiều lần làm việc qua điện thoại yêu cầu Bên vay trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra ngày 04/03/2021 Ngân hàng làm việc với Công an xã Ngọc W về việc ông Trần Văn PH thường xuyên vắng mặt ở địa phương. Đến nay, Bên vay vẫn không có thiện chí để trả nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Từ tình hình trên, Ngân hàng BIDV đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn PH phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và nợ phí chậm trả lãi còn nợ tính đến hết ngày 05/8/2021 là: 1.774.334.247 đồng (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*); Trong đó: Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*); Nợ lãi: 174.334.247 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*) (lãi trong hạn là 135.872.877 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng*), lãi quá hạn là 38.461.370 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn ba trăm bảy mươi đồng*)) và toàn bộ nợ lãi phát sinh tính từ ngày 06/8/2021 đến ngày Bên vay trả hết nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/4706534/HĐTD ngày 24/07/2020 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/4706534/HĐTD ngày 22/05/2020. Nếu ông Trần Văn PH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp khi xử lý các tài sản ông Trần Văn PH và bà Nguyễn Thị TH không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Trần Văn PH phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng. Buộc ông Trần Văn PH phải chịu toàn bộ án phí, chi phí giải quyết vụ án.

Về phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Trần Văn PH và bà Nguyễn Thị TH. Tuy nhiên, hiện nay ông Trần Văn PH và bà Nguyễn Thị TH thường xuyên vắng mặt tại địa phương, nơi cư trú nên không thể làm việc trực tiếp được với ông bà và không thể tổng đạt được các thủ tục tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông PH, bà TH. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Trần Văn PH và bà Nguyễn Thị TH vẫn vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được, đã gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết tổng đạt hợp lệ để xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn PH và bà Nguyễn Thị TH. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn PH và bà Nguyễn Thị TH đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xem xét thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 30, 35, 68 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thủ tục hòa giải theo quy định. Trình tự thụ lý, việc cấp, gửi,

tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đầy đủ đúng quy định của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đề ngày 31/3/2021. Buộc ông Trần Văn PH phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/8/2021 là 1.774.334.247 đồng (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*). Nếu bị đơn không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, ông Trần Văn PH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Về án phí, chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]: *Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn Ngân hàng BIDV là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Bị đơn ông Trần Văn PH có đăng ký kinh doanh, khi ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn để mua hàng điện gia dụng các loại. Vì vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Trần Văn PH có địa chỉ tại: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, đây là tranh chấp quan hệ giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà được quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Tòa án đã thực hiện tất cả các phương thức tổng đạt hợp lệ quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự theo địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/7/2021 Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử quyết

định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã đủ cơ sở để khẳng định:

Về hình thức của giao dịch dân sự: Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/4706534/HĐTD ngày 24/07/2020 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/4706534/HĐTD ngày 22/05/2020 là hợp đồng giao dịch dân sự có bảo đảm. Theo đó, việc nguyên đơn với bị đơn có ký kết các Hợp đồng tín dụng là trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Hai bên đã thỏa thuận về phương thức thanh toán số tiền gốc và lãi suất đã được ghi trong hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho nguyên đơn để bảo đảm khoản tiền vay, công chứng tại Văn Phòng công chứng Vũ Đăng Đoán, số 56 Hùng Vương, thị trấn Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Hà. Nên khi ký giao kết hợp đồng tín dụng là hợp pháp đúng trình tự và đảm bảo về mặt hình thức quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự. Do vậy, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết như trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, đến ngày khoản vay đã đến hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông Trần Văn PH vẫn không trả nợ cả gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định trong hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 05/8/2021 tổng cộng 1.774.334.247 đồng (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*) là đúng pháp luật.

Xét Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/4706534/HĐTD ngày 24/07/2020 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/4706534/HĐTD ngày 22/05/2020: số tiền vay: 1.600.000.000 đồng; thời gian vay: 163 ngày (từ ngày 24/07/2020 đến ngày 03/01/2021); lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,2%/năm cố định trong thời hạn vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (12,3%/năm), ngày chuyển nợ quá hạn 04/01/2021; Ngày rút vốn vay là 24/7/2020. Ông Trần Văn PH đã nhận đủ số tiền vay 1.600.000.000 đồng thể hiện qua Giấy rút tiền mặt ngày 24/7/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị đơn có ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật. Đến ngày 03/01/2021 đã hết thời hạn của hợp đồng nhưng ông Trần Văn PH không trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là đã vi phạm quy định hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Số tiền lãi là 174.334.247 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*) (trong đó lãi trong hạn là 135.872.877 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng*), lãi quá hạn là 38.461.370 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn ba*

trăm bảy mươi đồng)) đồng, mà Ngân hàng tính đến ngày 05/8/2021 là chính xác, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xuất trình bảng kê tính lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/8/2021) yêu cầu ông Trần Văn PH phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tổng cộng 1.774.334.247 đồng (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*); Trong đó: Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*); Nợ lãi: 174.334.247 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*) (lãi trong hạn là 135.872.877 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng*), lãi quá hạn là 38.461.370 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn ba trăm bảy mươi đồng*)) là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét Hợp đồng Thế chấp Tài sản số 01/2018/4706534/HĐBĐ ngày 24/05/2018 được công chứng tại Văn Phòng công chứng Vũ Đăng Đoán, số 134 Hùng Vương, thị trấn Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Tại hồ sơ vụ án đã thể hiện bị đơn ông Trần Văn PH và bà Nguyễn Thị TH có Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng thế chấp đều được chứng thực theo quy định và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Hà phù hợp với quy định tại các Điều 298; 299; 317 Bộ luật dân sự. Như vậy, việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất là hợp pháp nên có giá trị đảm bảo thi hành. Do đó, hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật và được chấp nhận khi bị đơn không trả được số tiền vay thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết để thu hồi vốn là đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên – Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng BIDV. Buộc bị đơn ông Trần Văn PH phải trả cho Ngân hàng BIDV số tiền nợ tính đến ngày 05/8/2021 tổng cộng là 1.774.334.247 đồng (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*); Trong đó: Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*); Nợ lãi: 174.334.247 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*) (lãi trong hạn là 135.872.877 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng*), lãi quá hạn là 38.461.370 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn ba trăm bảy mươi đồng*)). Trường hợp ông Trần Văn PH không trả được nợ thì Ngân hàng BIDV được quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

[5] Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm ngàn đồng*), bị đơn ông Trần Văn PH phải chịu toàn bộ và có trách nhiệm hoàn trả cho ngân hàng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn PH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Theo đó, số tiền án phí là: 36.000.000 đồng + $[(1.774.334.247 - 800.000.000) \times 3\%] = 65.230.027$ đồng (*Sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi ngàn không trăm hai mươi bảy đồng*). Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đề ngày 31/3/2021.

[1] Buộc ông Trần Văn PH phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 1.774.334.247 đồng (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*); Trong đó: Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*); Nợ lãi: 174.334.247 đồng (*Một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng*) tính đến hết ngày 05/8/2021, (trong đó lãi trong hạn là 135.872.877 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng*), lãi quá hạn là 38.461.370 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn ba trăm bảy mươi đồng*)).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn PH không trả đủ số tiền cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng Thế chấp Tài sản số 01/2018/4706534/HĐBĐ ngày 24/05/2018 ký kết giữa Ông Trần Văn PH cùng vợ là Bà Nguyễn Thị TH với Ngân hàng BIDV gồm các tài sản sau:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01 (A); tờ bản đồ số 27; diện tích: 400m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 652532 do UBND huyện Đăk Hà cấp ngày 27/08/2009, số vào sổ: H 00939.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 20(D); tờ bản đồ số 27; diện tích: 400m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 597624 do UBND huyện Đăk Hà cấp ngày 10/11/2011, số vào sổ: GCNCH 00454.

Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 03; tờ bản đồ số A; diện tích: 250m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện

Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 597625 do UBND huyện Đăk Hà cấp ngày 10/11/2011, số vào sổ: 00455.

Tài sản thứ tư: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02(A); tờ bản đồ số 27; diện tích: 370m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BD 626466 do UBND huyện Đăk Hà cấp ngày 21/01/2011, số vào sổ: 00307.

Tài sản thứ năm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 143; tờ bản đồ số 81; diện tích: 22.233,3m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 6, xã Ngọc W, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX 041650 do UBND huyện Đăk Hà cấp ngày 16/7/2015, số vào sổ: 01060.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Trần Văn PH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/8/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì lãi suất mà ông Trần Văn PH phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng BIDV theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng BIDV.

[2] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Căn cứ các Điều 156, 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Trần Văn PH phải chịu 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm ngàn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Trần Văn PH phải hoàn toàn trả cho ngân hàng TMCP Đ (*Tám triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án.

[3] *Về án phí:* Áp dụng các Điều 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 6, 18, 19 Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Văn PH phải chịu số tiền 65.230.027 đồng (*Sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi ngàn không trăm hai mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum là 31.531.265 đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm ba mươi một ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng*) theo biên lai số AA/2016/0005302 ngày 13/5/2021.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (05/8/2021) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục PHc thẩm. Bị đơn ông Trần Văn PH và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị TH vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo thời hạn

15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa